

Bản án số: 249/2025/HS-ST

Ngày: 21/4/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thu Thủy**.

Thẩm phán: Bà **Đặng Mạnh Cẩm Yên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đinh Văn Hưng**

Ông **Mai Quý Dân**

Bà **Hồ Xuân Hương**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Hùng** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Vân** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 124/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2025/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Bị cáo: **Hoàng Văn T**, sinh ngày: 23/02/1983; Giới tính: Nam; ĐKKHKT: C3212A Chung cư I, xã V, huyện Đ, Hà Nội;住所: Xóm E thôn V, xã V, huyện Đ, H: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông: Hoàng Văn Q và con bà: Lương Thị C Có vợ: Nguyễn Thị Kim C1 và 02 con, con lớn sinh năm: 2007, con nhỏ sinh năm: 2016; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 255/2024/HSST ngày 04/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Hà Nội xử phạt 06 năm 06 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 05/8/2024 (không xác định tái phạm), hiện đang chấp hành án tại trại giam N2(có mặt).

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2006/HSST ngày 25/01/2006 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, Hà Nội xử phạt 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 20 tháng về tội Trộm cắp tài sản.

Ngày 05/9/2005, Công an phường G, H phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản;

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Lê Thị Q1**, Công ty L2- Đoàn luật sư L2, (Có mặt).

Bị hại: **Nguyễn Văn S**; sinh năm: 1984, trú tại: thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 8/2021, Hoàng Văn T1 anh Nguyễn Duy H(sinh năm: 1978, trú tại: P206 Tập thể Ban Tuyên giáo Chính phủ, số C phố P, phường C, quận B, TP Hà Nội và chị Đỗ Thu T (sinh năm: 1992, trú tại: Khu C, huyện T, tỉnh Phú Thọ cùng đứng tên danh nghĩa thành lập Công ty cổ phần Đ(Mã số doanh nghiệp: 0109738814; đăng ký lần đầu ngày 27/8/2021; địa chỉ trụ sở: Số C ngõ H phố T, phường T, quận C, TP H nghề chính: Kinh doanh bất động sản). Người đại diện pháp luật là: anh Nguyễn Duy H Hoàng Văn T Chủ tịch Hội đồng quản trị. Sau khi thành lập, Hoàng Văn T4 hành toàn bộ hoạt động của Công ty CP Đ

Tháng 10/2021, thông qua anh Đinh Văn T5(sinh năm: 1983, trú tại: Thôn C, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương T gặp gỡ anh Nguyễn Văn S1 được anh S2 biết anh S3 có nhu cầu mua 20 lô đất tại dự án Khu dân cư mới phía tây thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương (gọi tắt là Dự án Khu đô thị N do Công ty TNHH H và Công ty T đầu tư. T giới thiệu bản thân có nhiều năm kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản, có nhiều mối quan hệ với các Lãnh đạo tỉnh Hải Dương và các Chủ đầu tư dự án trên địa bàn tỉnh Hải Dương nên T có thể môi giới, hỗ trợ giúp anh S được 20 lô đất tại dự án trên. Tin T, ngày 12/10/2021, tại văn phòng Công ty CP Đ anh S ký kết Hợp đồng hợp tác cung cấp dịch vụ bất động sản số 18/HDDVBĐS, nội dung: *Hai bên đồng ý hợp tác, trao đổi thông tin, hỗ trợ nhau để tiến hành cung cấp dịch vụ đặt chỗ mua bất động sản tại Dự án Khu đô thị N Hoàng Văn T có trách nhiệm cung cấp hồ sơ pháp lý, hỗ trợ để anh S hợp đồng mua bán bất động sản hoặc một hợp đồng có giá trị tương đương giữa anh S Chủ đầu tư Dự án Khu*

đô thị N lô đất tại Dự án. Giá trị hợp đồng là 5.000.000.000 đồng (bao gồm: Phí dịch vụ là 3.000.000.000 đồng, tiền đặt cọc cho 20 lô đất là 2.000.000.000 đồng). Hợp đồng ký kết có sự chứng kiến của anh Nguyễn Thành N1 (sinh năm: 1985, trú tại: xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương) là bạn anh S. Cùng ngày, anh S chuyển số tiền 5.000.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của T số 6585999999999 mở tại Ngân hàng TMCP V

Sau khi nhận tiền của anh S, anh Nguyễn Duy H Giám đốc Công ty CP Đ với ông Hoàng Xuân T giám đốc Công ty TNHH H đầu tư dự án Khu đô thị N đặt vấn đề đặt cọc mua 20 lô đất tại Dự án, nhưng ông T không đồng ý do Dự án chưa đủ điều kiện mở bán, khi đủ điều kiện Công ty TNHH H mới tổ chức bán hàng, không nhận đặt cọc trước. Do vậy, T đổi lại nội dung làm việc với Công ty TNHH H S đồng ý tiếp tục chờ, yêu cầu T khi Chủ đầu tư mở bán, T thực hiện đặt cọc 20 lô đất theo hợp đồng đã ký. Do Chủ đầu tư chưa nhận tiền đặt cọc, nên T sử dụng số tiền 5.000.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn S mục đích cá nhân, cụ thể: Trả nợ anh Phạm Văn T (sinh năm: 1979, trú tại: Thôn C, xã N, huyện G, tỉnh Hải Dương) số tiền 1.000.000.000 đồng; Trả nợ anh Đặng Ngọc L (sinh năm: 1989, trú tại: Chung cư K - K, phường Đ, quận H, Hà Nội) số tiền 822.000.000 đồng; Số tiền còn lại 3.178.000.000 đồng T sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Đến tháng 11/2022 là thời điểm Chủ đầu tư mở bán dự án Khu đô thị N chi tiêu cá nhân hết số tiền 5.000.000.000 đồng đã nhận của anh S nên T thực hiện được việc đặt cọc mua 20 lô đất và xin khất nợ đến tháng 3/2023 sẽ trả lại tiền cho anh S

Ngày 27/3/2023, do không có tiền trả cho anh S, T đã tiếp tục đưa ra thông tin gian dối về việc: Công ty CP Đ triển khai dự án “Nhà ở cán bộ chiến sỹ tại xã U, huyện Đ, TP Hà Nội (gọi tắt là Dự án nhà ở Công an huyện Đ) thỏa thuận với anh S9 việc Công ty CP Đ4 kết bán cho anh S02 lô đất ký hiệu TT01-01 và TT01-02 tại Dự án nhà ở Công an huyện Đ là 5.600.000.000 đồng (trong đó, số tiền 600.000.000 đồng là T tự nguyện chịu thêm phần lãi từ tháng 10/2021 đến tháng 3/2023 của khoản tiền 5.000.000.000 đồng đã nhận do anh S10 tiền ngân hàng để chuyển cho T theo thỏa thuận tại hợp đồng hợp tác cung cấp dịch vụ bất động sản đã ký). Để anh S tưởng Công ty CP Đ triển khai dự án trên, cùng ngày 27/3/2023, T qua Zalo cho anh S bản “Thỏa thuận hợp tác kinh doanh” Dự án xây dựng nhà ở cho cán bộ chiến sỹ công an huyện Đ ngày 01/6/2022 được ký giữa Công ty TNHH Đ (là Chủ đầu tư dự án) với Công ty CP Đ bản vẽ tổng mặt bằng dự án để anh S 02 lô đất ký hiệu TT01-01 và TT01-02. Sau khi anh S ký, ngày 29/3/2023, T gửi qua

Zalo một số mẫu hợp đồng và phiếu thu T đã soạn thảo đề sẵn ngày 12/8/2022 cho anh S trước. Thực tế, tại thời điểm thỏa thuận, Công ty CP Đ còn bất kỳ quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến Dự án nhà ở Công an huyện Đ ngày 26/10/2022, Công ty TNHH Đ1 và Công ty CP Đ ký Biên bản thanh lý hợp tác kinh doanh về việc đầu tư, phát triển dự án xây dựng nhà ở bán cho cán bộ chiến sĩ công an huyện Đ, huyện Đ, TP Hà Nội

Tin tưởng thông tin do Hoàng Văn T ra, ngày 31/3/2023, anh S anh Đinh Văn T quán café số B phố A, phường C, quận Đ, TP H T để ký kết “Hợp đồng mua bán quyền sử dụng đất Dự án Đ, xã U, huyện Đ, TP H Công ty CP Đ với anh Nguyễn Văn S16 đồng đề ngày 12/8/2022, nội dung: Công ty CP Đ4 kết bán cho anh S17 căn nhà thấp tầng có vườn tại lô A-TT01-01, diện tích 108,4m² và lô A-TT01-02, diện tích 96,2m²; giá trị hợp đồng là: 5.600.000.000 đồng; Cam kết ngày bàn giao là 10/5/2023; Đại diện bên bán là Hoàng Văn T Chủ tịch Hội đồng quản trị. Sau khi ký hợp đồng, T anh S T2 đi xe taxi đến nhà anh Nguyễn Duy H3 lấy con dấu của Công ty CP Đ9 dấu lên hợp đồng và đưa cho anh S 01 bản, T giữ 01 bản.

Quá thời hạn bàn giao đất theo như hợp đồng mua bán quyền sử dụng đất tại Dự án nhà ở Công an huyện Đ liên hệ và tìm gặp T để đòi lại tiền nhưng T19 hứa hẹn, khất lần mà không thực hiện.

Sau nhiều lần đòi tiền nhưng T trả, ngày 09/01/2024, anh Nguyễn Văn S làm đơn tố giác hành vi của Hoàng Văn T, anh Nguyễn Văn S nghị xử lý T theo quy định của pháp luật và yêu cầu T hoàn trả số tiền 05 tỷ đồng.

* Xác minh tại Công ty TNHH H đầu tư Dự án Khu đô thị N xác định: Công ty TNHH H có thỏa thuận, giao dịch với Công ty CP Đ như cá nhân Hoàng Văn T trình thực hiện dự án, có nhiều tổ chức/cá nhân đến thỏa thuận đề nghị đặt cọc; tuy nhiên đại diện Chủ đầu tư đều cho biết khi nào dự án đủ điều kiện mở bán, Chủ đầu tư mới tổ chức bán hàng, không nhận bất kỳ khoản đặt cọc nào, không ký kết cũng như hứa hẹn với bất kỳ ai về việc sẽ “để dành” suất mua các lô đất tại Dự án khu đô thị N khi dự án đủ điều kiện mở bán.

* Xác minh tại Công ty TNHH Đ11 định: Ngày 01/6/2022, Công ty TNHH Đ hợp tác kinh doanh số 01/TTHTKD về việc hợp tác kinh doanh để đầu tư phát triển dự án “xây dựng nhà ở cho cán bộ chiến sĩ Công an huyện Đ tại xã U, huyện Đ, TP H tổng diện tích là 22.090m². Tuy nhiên quá trình thực hiện Thỏa thuận hợp

tác kinh doanh trên, Công ty CP Đ triển khai thực hiện bất kỳ công việc theo cam kết trong thỏa thuận, ngày 26/10/2022, hai bên ký Biên bản thanh lý Thỏa thuận hợp tác kinh doanh ký ngày 01/6/2022. Theo đó, Công ty CP Đ7 còn bất kỳ quyền và nghĩa vụ nào liên quan đến dự án “xây dựng nhà ở cho cán bộ chiến sĩ Công an huyện Đ

* Xác minh tại Sở Kvà Cục T xác định: Công ty CP Đ cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109738814 ngày 27/8/2021, từ khi thành lập đến tháng 5/2024 không phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ; Ngày 28/5/2024, Cục T9ban hành Thông báo về việc Công ty không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

* Xác minh tại Ngân hàng TMCP Á(ANgân hàng TMCP V (V1Ngân hàng TMCP K1(T xác định: Ngày 16/02/2016, Hoàng Văn T tài khoản số 6585999999999999 tại Ngân hàng V, số dư tài khoản đến ngày 05/4/2023 là 0 đồng. Căn cứ sao kê tài khoản xác định: Ngày 11/10/2021, số dư tài khoản là -11.033.226 đồng; ngày 12/10/2021, anh Nguyễn Văn S vào tài khoản của T số tiền 5.000.000.000 đồng, nội dung: “*NGUYEN VAN SY chuyen tien dich vu 3 ti va 2 ti tien dat coc 20 lo dat khu do thi phia Tay Nam Sach Hai Duong*”; Ngày 13/10/2021, chuyển khoản 03 lệnh đến số tài khoản 46010002322855 mở tại Ngân hàng B anh Phạm Văn T dung: “*Em T3ck tra tien 21 lo*” tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng; Ngày 26/10/2021, chuyển khoản 02 lệnh đến số tài khoản 893456666 mở tại Ngân hàng V anh Đặng Ngọc L nội dung: “*Anh T ck tra*”, tổng số tiền là 822.000.000 đồng; Số tiền còn lại, T vào tài khoản số 19028832386866 mở tại Ngân hàng T chi tiêu cá nhân hết.

*Tại Bản kết luận giám định số 6434 ngày 10/9/2024 của Phòng K2C3kết luận: Chữ ký, chữ viết đúng tên Hoàng Văn T Hợp đồng hợp tác cung cấp dịch vụ bất động sản số 18/HDDVBĐS đề ngày 12/10/2021 (bên A: Hoàng Văn T bên B: Nguyễn Văn S Phiếu thu đề ngày 12/8/2022 của Công ty CP Đ(mẫu cần giám định) so với chữ ký, chữ viết đúng tên Hoàng Văn T các mẫu so sánh do cùng một người ký ra.

*Tại Bản kết luận giám định số 7812 ngày 11/10/2024 của V3 Bộ Công an kết luận: Chữ ký đúng tên Hoàng Văn T Hợp đồng hợp tác cung cấp dịch vụ bất động sản số 18/HDDVBĐS đề ngày 12/10/2021 (bên A: H: Nguyễn Văn S làm chứng: Nguyễn Thành N Hợp đồng mua bán quyền sử dụng đất Dự án Đ, xã U,

huyện Đ, H ngày 12/8/2022 (mẫu cần giám định) so với chữ ký đứng tên Hoàng Văn T25 các mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

Quá trình điều tra, anh Nguyễn Văn Sanh Nguyễn Thành N, anh Đinh Văn T phù hợp với nội dung trên.

Tại Cơ quan điều tra, bị can Hoàng Văn T nhận hành vi phù hợp với lời khai của các cá nhân liên quan cũng như tài liệu, chứng cứ thu thập được. T khai, bản thân T không có cơ sở để khẳng định giúp được anh S đất tại dự án, không có mối quan hệ, thỏa thuận với Chủ đầu tư hay quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến Dự án ở N, tỉnh Hải Dương nhưng Tvẫn đưa ra thông tin có thể giúp anh S được 20 lô đất ngoại giao tại dự án này để ký hợp đồng và nhận tiền của anh S sử dụng vào mục đích trả nợ và chi tiêu cá nhân. Sau khi không có khả năng trả lại tiền cho anh S tiếp tục đưa ra thông tin gian dối với anh S việc Công ty CP Đ Chủ tịch Hội đồng quản trị đang triển khai thực hiện dự án xây dựng nhà ở cán bộ chiến sỹ Công an huyện Đ hợp đồng chuyển nhượng 02 lô đất tại dự án cho anh S chiếm đoạt tiền. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, Thành tự thực hiện và chiếm hưởng toàn bộ số tiền.

Đối với Nguyễn Duy H Giám đốc và Đỗ Thu T kế toán trưởng Công ty CP Đ được Hoàng Văn T đứng tên làm Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng kiêm Cổ đông sáng lập Công ty, không được T bàn bạc, không được hưởng lợi từ T nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý bằng pháp luật hình sự là có căn cứ.

Cáo trạng số: 90/CT-VKS-P3 ngày 17/2/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a Khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận diễn biến hành vi phạm tội như Cáo trạng nêu. Bị cáo khai sau khi bị cáo nhận tiền của anh S bị C1 đã chi tiêu cá nhân và đầu tư bất động sản đến nay chưa toán được. Bị cáo xin giảm hình phạt và có trách nhiệm trả anh S tiền 5.000.000.000đ.

Bị hại anh Nguyễn Văn S yêu cầu bị cáo trả anh S tiền 5.000.000.000đ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm a Khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, 56 Bộ luật Hình sự.

Tội danh: Bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Hình phạt: Phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 16 năm tù đến 17 năm tù, tổng hợp với 6 năm 6 tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 255/2024/HSST ngày 04/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 Bản án từ 22 năm 6 tháng tù đến 23 năm 6 tháng tù,

Về dân sự: Buộc bị cáo trả lại số tiền chiếm đoạt cho bị hại Nguyễn Văn S số tiền là 5.000.000.000đ.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo ý kiến: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo là lao động chính, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hơn đề nghị của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T Điều tra viên, Kiểm sát viên:* Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đó thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Về nội dung:*

[2.1] *Về tội danh và hình phạt áp dụng với bị cáo:*

Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do cần tiền chi tiêu cá nhân, mặc dù bản thân không có khả năng giúp được anh Nguyễn Văn S đất tại dự án, không có mối quan hệ, không thỏa thuận với Chủ đầu tư Dự án ở N, tỉnh Hải Dương nhưng Hoàng Văn T đưa ra thông tin có thể giúp anh S được 20 lô đất ngoại giao tại dự án này, để ký hợp đồng và nhận số tiền

5.000.000.000 đồng của anh S Sau đó, T sử dụng hết số tiền trên vào mục đích cá nhân không trả cho anh S. Tháng 3/2023, mặc dù Công ty CP Đ16 còn liên quan đến dự án nhà ở cán bộ chiến sỹ công an huyện Đ để chiếm đoạt số tiền của anh S tiếp tục đưa ra thông tin gian dối về việc Công ty CP Đ triển khai thực hiện Dự án xây dựng nhà ở cán bộ chiến sỹ công an huyện Đ hợp đồng chuyển nhượng 02 lô đất tại dự án cho anh S chiếm đoạt số tiền trên của anh S. Hiện T chưa khắc phục hậu quả.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội bị cáo chiếm đoạt số tiền rất lớn (đến nay chưa khắc phục). Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, VKSND.TP Hà Nội truy tố bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét:

Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Thủ đoạn phạm tội của bị cáo là tạo lòng tin đối với bị hại như đưa ra thông tin không đúng sự thật từ Dự án ở N, tỉnh Hải Dương đến dự án nhà ở cán bộ chiến sỹ công an huyện Đ để bị hại tin tưởng ký hợp đồng và chuyển tiền cho bị cáo, để chiếm đoạt của bị hại số tiền 5.000.000.000 đồng không có khả năng trả, vì vậy cần phạt bị cáo mức án tù nghiêm khắc để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, vì vậy áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo có nhân thân xấu đã từng bị xét xử và phạt hành chính nhưng không coi đó là bài học vì vậy phải có mức án nghiêm khắc để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Bị cáo đang chấp hành mức án 06 năm 06 tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 255/2024/HSST ngày 04/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Hà Nội, căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

[2.2] Các vấn đề khác:

Về nghĩa vụ hoàn trả: Bị cáo chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Văn S số tiền 5.000.000.000 đồng đến nay chưa trả, bị cáo phải có nghĩa vụ hoàn trả bị hại số tiền trên theo quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự.

Về án phí: Bị cáo tuyên có tội và phải bồi thường dân sự nên phải chịu án phí theo qui định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. **Căn cứ:** Điểm a Khoản 4 Điều 174; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 56, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

[2]. **Tuyên bố:** Bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Phạt: Bị cáo Hoàng Văn T 15 năm tù, tổng hợp với 6 năm 6 tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 255/2024/HSST ngày 04/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 Bản án 21 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/8/2024.

[3]. **Các biện pháp tư pháp:** Căn cứ Điều 46, 48 Bộ luật hình sự

Bị cáo Hoàng Văn Thành có nghĩa vụ hoàn trả anh Nguyễn Văn S số tiền 5.000.000.000 đồng.

Kể từ ngày người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] **Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1, 3 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 113.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội (P3);
- Công an TP. Hà Nội;
- Cục T.H.A DS TP. Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP Hà Nội;
- Lưu, lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Thủy